

DOI:10.22144/ctu.jvn.2022.204

KHUNG PHÁP LÝ VÀ TIỀM NĂNG ỨNG DỤNG KINH TẾ TUẦN HOÀN TRONG NÔNG NGHIỆP Ở ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG

Nguyễn Thanh Bình^{1*}, Đoàn Tấn Sang², Lê Nguyễn Đoàn Khôi³, Lê Thị Xuân An³, Nguyễn Minh Tú⁴ và Nguyễn Hồng Quân⁴

¹Viện Nghiên cứu Phát triển Đồng bằng sông Cửu Long, Trường Đại học Cần Thơ

²Nghiên cứu sinh, Trường Kinh tế, Trường Đại học Cần Thơ

³Phòng Quản lý Khoa học, Trường Đại học Cần Thơ

⁴Viện Nghiên cứu Phát triển Kinh tế tuần hoàn, Đại học quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh

*Người chịu trách nhiệm về bài viết: Nguyễn Thanh Bình (email: ntbinh02@ctu.edu.vn)

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 13/09/2022

Ngày nhận bài sửa: 29/09/2022

Ngày duyệt đăng: 17/10/2022

Title:

Legal framework and potentials for application of circular economy in agriculture in the Mekong Delta of Vietnam

Từ khóa:

Đồng bằng sông Cửu Long, kinh tế tuần hoàn, khung pháp lý, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh

Keywords:

Circular economy, green growth, legal framework, Mekong Delta, sustainable development

ABSTRACT

Based on secondary data, this article focuses on analyzing the legal framework of circular economy in general, circular agriculture in particular, and the potential application of circular economy in the Mekong Delta (MD). Qualitative approach described by Creswell was applied in this research. Results show that the concept of circular economy has been used in the world since the 1990s to address issues related to resource degradation, environmental pollution, and ecological imbalance caused by linear economy. However, this term is relatively new in Vietnam. However, the National Plan on Circular Economy Development in Vietnam was approved by the Prime Minister on June 7th, 2022 that is the basis for building programs and projects to create motivation for innovation and improve labor productivity, contributing to promoting green growth. With the advantage of ecological conditions, the MD has great potential to apply the principles of the circular economy in agriculture, towards the goal of reducing the intensity of greenhouse gas emissions from agricultural production over agricultural GDP in 2030 is down by 20% compared to 2010 as defined in the Master Program on Sustainable Agricultural Development Adapting to Climate Change in the MD to 2030, with a vision to 2045. To achieve this objective, localities need to invest in research, capacity building, and demonstration of circular agricultural models as soon as possible.

TÓM TẮT

Dựa trên các dữ liệu thứ cấp, bài viết này tập trung vào việc phân tích khung pháp lý về kinh tế tuần hoàn nói chung, nông nghiệp tuần hoàn nói riêng và tiềm năng ứng dụng kinh tế tuần hoàn ở Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Trong nghiên cứu này, phương pháp phân tích định tính của Creswell được sử dụng. Kết quả cho thấy khái niệm kinh tế tuần hoàn đã được sử dụng trên thế giới từ những năm 1990 để hướng tới giải quyết các vấn đề liên quan đến suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái do nền kinh tế tuyến tính gây nên. Tuy nhiên, thuật ngữ này còn tương đối mới ở nước ta. Mặc dù vậy, Đề án phát triển kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt vào ngày 07/6/2022, là cơ sở để xây dựng các chương trình, dự án nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh. Với lợi thế về điều kiện sinh thái, ĐBSCL có tiềm năng rất lớn để ứng dụng các nguyên lý của kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp, hướng đến mục tiêu năm 2030 giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp/GDP nông nghiệp của vùng xuống 20% so với 2010 như đã xác định trong Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Để làm được điều này, các địa phương cần phải thúc đẩy nghiên cứu, nâng cao năng lực và đầu tư phát triển các mô hình nông nghiệp tuần hoàn càng sớm càng tốt.

1. GIỚI THIỆU

Nông nghiệp (kể cả trồng trọt, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản) là một trong những trụ cột quan trọng của nền kinh tế khu vực Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Phát triển nông nghiệp thời gian qua đã góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xóa đói giảm nghèo và đảm bảo an ninh lương thực không chỉ cho ĐBSCL mà còn cho cả nước. Tuy nhiên, việc khai thác tài nguyên thiên nhiên theo hướng “tuyến tính” của nền kinh tế nâu đã làm suy thoái môi trường, ô nhiễm đất, nước và không khí, cạn kiệt nguồn lợi thủy sản, giảm đa dạng sinh học, mất rừng, ảnh hưởng đến sức khỏe con người và hệ sinh thái (Sánh & Nhân, 2016; Bộ tài nguyên và Môi trường, 2018; World Bank, 2019; Bình và ctv., 2021; Phuong et al., 2021; Binh et al., 2022; Le et al., 2022). Ngoài ra, ĐBSCL còn đứng trước thách thức do biến đổi khí hậu, nước biển dâng và tác động của các công trình thủy điện, thủy lợi từ các quốc gia thượng nguồn sông Mekong (Chính phủ, 2017; Bình & Tiên, 2021; Binh et al., 2021; Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021). Do đó, để phát triển bền vững ĐBSCL thì đòi hỏi một cách tiếp cận mới. Kinh tế tuần hoàn (KTTH) là một cách tiếp cận đã được sử dụng trên thế giới từ những năm 1990 để hướng tới giải quyết các vấn đề liên quan đến suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường và mất cân bằng sinh thái do nền kinh tế tuyến tính gây nên (Bình và ctv., 2021). Tuy nhiên, khái niệm KTTH còn tương đối mới ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng. Bài viết này sẽ giới thiệu và so sánh khái niệm KTTH với kinh tế tuyến tính, phân tích khung pháp lý KTTH ở Việt Nam và tiềm năng ứng dụng KTTH trong nông nghiệp ở ĐBSCL hướng đến giảm thiểu ô nhiễm, đóng góp vào mục tiêu tăng trưởng xanh và phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước đã đặt ra. Điểm nổi bật của bài viết này là phân tích tổng quan khung pháp lý về KTTH của Đảng, Bộ Chính trị, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ, nhất là các định hướng và mục tiêu đặt ra cho khu vực ĐBSCL để có cách tiếp cận phù hợp góp phần đạt được các mục tiêu đó.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp phân tích định tính theo mô hình xoắn ốc của Creswell (2013) và được cải tiến bởi Binh (2021). Phương pháp này được sử dụng là do các thông tin thu thập được rất đa dạng, dưới nhiều hình thức khác nhau, phần lớn là văn bản quy phạm pháp luật và các báo cáo. Các bước chính của phương pháp phân tích định tính được tóm tắt bằng mô hình 4C như sau:

– Collect – thu thập dữ liệu: Bước đầu tiên là thu thập dữ liệu. Ở bước này, các dữ liệu liên quan đến khái niệm kinh tế tuyến tính, kinh tế nâu, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh được thu thập thông qua công cụ tìm kiếm Google, kể cả tiếng Việt và tiếng Anh. Bên cạnh đó, các văn bản quy phạm pháp luật của Đảng và Nhà nước liên quan đến KTTH, kinh tế xanh, phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu ở Việt Nam nói chung và ĐBSCL nói riêng cũng được thu thập. Nguồn thu thập chủ yếu là cổng thông tin điện tử chính phủ (chinhphu.vn) và trang web Thư viện pháp luật (thuvienphapluat.vn).

– Cut – cắt nhỏ, chọn lọc: Dữ liệu thu thập được phân tích, so sánh, chọn lọc, loại bỏ các thông tin không cần thiết và đánh dấu những nội dung phù hợp với mục tiêu nghiên cứu để thuận tiện cho việc sắp xếp và tổng hợp về sau.

– Classify – phân loại: Mục đích của bước này là nhóm lại các tài liệu, các đoạn văn bản có cùng chủ đề để biên tập theo nội dung nghiên cứu. Cụ thể các thông tin và dữ liệu thu thập được nhóm vào các chủ đề: (i) lý thuyết hay khái niệm kinh tế tuyến tính, kinh tế nâu, KTTH, kinh tế xanh, phát triển bền vững, nông nghiệp bền vững; (ii) các chính sách của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ liên quan đến KTTH; (iii) các chính sách phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu, đặc biệt là định hướng phát triển nông nghiệp ĐBSCL; (iv) các mô hình KTTH trong nông nghiệp có tiềm năng ứng dụng tại ĐBSCL.

– Cook – tổng hợp và trình bày: Kết quả được tổng hợp, trình bày, diễn đạt một cách logic và thảo luận chặt chẽ.

Dựa trên các bước trên, kết quả nghiên cứu được trình bày thành 3 phần chính: (i) Phân biệt kinh tế tuyến tính và KTTH; (ii) Phân tích khung pháp lý về KTTH, thể hiện ở các văn bản quy phạm pháp luật và vai trò các chủ thể liên quan; và (iii) Tiềm năng ứng dụng KTTH trong nông nghiệp tại ĐBSCL.

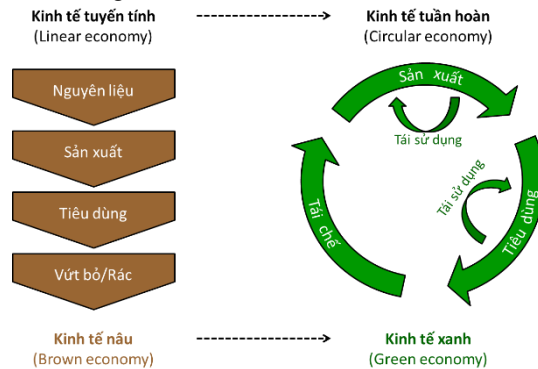
3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Phân biệt kinh tế tuyến tính và KTTH

Trong nhiều thế kỷ, xã hội loài người phát triển theo mô hình “kinh tế tuyến tính” (còn gọi là nền kinh tế nâu, brown economy), nghĩa là các hoạt động kinh tế dựa vào khai thác nguyên liệu từ thiên nhiên để sản xuất ra sản phẩm cho tiêu dùng và vứt bỏ trực tiếp sau tiêu dùng. Khi dân số tăng và nhu cầu vật chất tăng theo thì mô hình kinh tế tuyến tính tỏ ra nhiều bất cập như làm cạn kiệt tài nguyên, mất cân bằng sinh thái, ô nhiễm môi trường, phân hóa giàu nghèo, biến đổi xã hội, biến đổi khí hậu và kém bền

vững. Để giảm thiểu hệ quả của những khủng hoảng do nền kinh tế nâu gây nên, khoảng ba thập niên gần đây khái niệm “kinh tế xanh” (green economy) đã xuất hiện trên thế giới xuất phát từ mong muốn chuyển hướng phát triển kinh tế theo hướng xanh hơn, bền vững hơn (Barbier, 1989; Barbier, 2007; Lâm, 2013). Thuật ngữ kinh tế xanh chính thức được cộng đồng quốc tế sử dụng tại Hội nghị Thượng đỉnh của Liên Hợp quốc về phát triển bền vững (tháng 6-2012) tại Rio de Janeiro, Brazil (Young, 2013). Nền

kinh tế xanh được hiểu là nền kinh tế nâng cao đời sống con người và cải thiện công bằng xã hội, đồng thời giảm thiểu đáng kể những rủi ro môi trường và những thiếu hụt sinh thái” (United Nations Environmental Program [UNEP], 2010), gồm có 3 trụ cột là mức phát thải thấp, sử dụng hiệu quả tài nguyên và hướng tới công bằng xã hội (Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam, 2018; Hương, 2019; Nam và ctv., 2020).



Hình 1. Sự khác biệt giữa mô hình kinh tế tuyến tính và KTTH

(Nguồn: Bình và ctv., 2021)

Một xu thế phát triển kinh tế hiện nay theo hướng kinh tế xanh mà các nước cũng đang đeo đuổi đó là KTTH, trong đó nội hàm của nó không đi theo con đường tuyến tính từ khai thác tài nguyên để làm đầu vào cho quá trình sản xuất, phân phối và tiêu dùng; ngược lại, chúng tạo ra mối liên kết có tính dây chuyền, tuần hoàn của các công đoạn, có tính khôi phục, chuyển dịch theo hướng năng lượng tái tạo, không dùng các hóa chất độc hại gây tổn hại đến việc tái sử dụng và hướng tới giảm thiểu chất thải thông qua việc thiết kế vật liệu, sản phẩm, hệ thống kỹ thuật và cả các mô hình kinh doanh trong phạm vi một hệ thống nhất định (Ellen MacArthur Foundation, 2012). Theo Posthumus (2019), khái niệm KTTH ra đời vào năm 1990 bởi hai nhà khoa học môi trường người Anh là Pearce và Turner, dựa trên lập luận rằng nền kinh tế tuyến tính truyền thống gây tổn hại lớn cho môi trường và hệ sinh thái vì từ nguyên liệu đầu vào đến sản xuất, tiêu dùng và bỏ đi sau tiêu dùng đã không quan tâm đến tái sử dụng hay tái chế (Hình 1). Do đó đối với KTTH, nguyên lý 3R gồm Reduce (giảm nguyên liệu đầu vào), Reuse (tái sử dụng) và Recycle (tái chế) được áp dụng cho tất cả các công đoạn từ sản xuất đến tiêu dùng. Khái niệm KTTH được sử dụng lần đầu tiên tại Đức năm 1996, sau đó là Nhật năm 2000 và ngày càng được quan tâm nhiều hơn trong nền kinh tế thế giới (Xiang & Jun, 2011; Posthumus, 2019;

Grumbine et al., 2021). Ở nước ta, khái niệm này còn tương đối mới, điển hình là thuật ngữ KTTH được chính thức sử dụng trong Nghị quyết 55/NQ-TW năm 2020 của Bộ Chính trị và Luật Bảo vệ môi trường năm 2020. Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 định nghĩa KTTH là mô hình kinh tế trong đó các hoạt động thiết kế, sản xuất, tiêu dùng và dịch vụ nhằm giảm khai thác nguyên liệu, vật liệu, kéo dài vòng đời sản phẩm, hạn chế chất thải phát sinh và giảm thiểu tác động xấu đến môi trường. Như vậy, đã có sự thay đổi về cách tiếp cận trong phát triển các nền kinh tế thế giới thời gian gần đây. Các nước có xu hướng chuyển từ kinh tế tuyến tính, kém bền vững sang KTTH mang tính bền vững hơn, xanh hơn và tốt hơn cho môi trường sinh thái. Mặc dù đi sau nhưng Việt Nam cũng rất tích cực trong quá trình chuyển đổi này thể hiện ở khung pháp lý ngày càng rõ ràng hơn.

3.2. Khung pháp lý về KTTH

Bảng 1 trình bày tóm tắt các văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển KTTH. Tại Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, thuật ngữ KTTH đã được sử dụng để nhấn mạnh vai trò KTTH trong việc giảm khí thải và phát triển bền vững ngành năng lượng.

Tiếp theo đó, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (ngày 01/02/2021) cũng nêu rõ xây dựng nền kinh tế xanh, KTTH, thân thiện với môi trường là hướng đi quan trọng để phát triển đất nước giai đoạn 2021 – 2030. Ngay sau đó, ngày 20/5/2021 Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 50/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII; trong đó khuyến khích phát triển KTTH nói chung và nông nghiệp tuần hoàn nói riêng. Về phía cơ quan lập pháp, ngày 17/11/2020, Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 được Quốc hội thông qua, lần đầu tiên đã dành riêng Điều 142 để quy định về KTTH. Theo đó, Bộ, cơ quan ngang Bộ, ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện lồng ghép KTTH ngay từ giai đoạn xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án phát triển; quản lý, tái sử dụng, tái chế chất thải. Cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có trách nhiệm thiết lập hệ thống quản lý và thực hiện biện pháp để giảm khai thác tài nguyên, giảm chất thải, nâng cao mức độ tái sử dụng và tái chế chất thải ngay từ giai đoạn xây dựng dự án, thiết kế sản phẩm, hàng hóa đến giai đoạn sản xuất, phân phối. Sau đó, Chính phủ ban hành Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 về Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi trường 2020; trong đó Mục 3 của Nghị định này trình bày tiêu chí, lộ trình và cơ chế khuyến khích phát triển KTTH (Điều 138 đến 140). Để cụ thể hóa phát triển KTTH, ngày 07/06/2022 Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam. Mục tiêu tổng quát của Đề án là “Phát triển KTTH nhằm tạo động lực cho đổi mới sáng tạo và cải thiện năng suất lao động, góp phần thúc đẩy tăng trưởng xanh gắn với cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng theo hướng tăng cường hiệu quả, tính gắn kết tuần hoàn giữa các doanh nghiệp và ngành kinh tế, nâng cao năng lực cạnh tranh và khả năng chống chịu của doanh nghiệp và chuỗi cung ứng trước các cú sốc từ bên ngoài, nhằm góp phần đạt được thịnh vượng về kinh tế, bền vững về môi trường và công bằng về xã hội; hướng tới nền kinh tế xanh, trung hòa carbon và đóng góp vào mục tiêu hạn chế sự gia tăng nhiệt độ toàn cầu”. Như vậy, phát triển KTTH gắn liền với các chính sách về đổi mới sáng tạo, phát triển bền vững, tăng trưởng xanh, giảm phát thải và thích ứng với biến đổi khí hậu. Các chính sách có liên quan này cũng được tổng hợp và trình bày trong Bảng 1.

Các chủ thể tham gia tổ chức thực hiện KTTH, cụ thể trong Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam cũng đã được quy định tại Quyết định số 687/QĐ-

TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 07/06/2022. Trong đó:

– **Bộ Kế hoạch và Đầu tư:** chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương nghiên cứu, rà soát thực trạng phát triển và đề xuất thí điểm triển khai phát triển KTTH trong một số lĩnh vực ưu tiên; cụ thể hóa các tiêu chuẩn, điều kiện phù hợp nhằm phát triển KTTH; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung quy định về khu công nghiệp sinh thái, doanh nghiệp sinh thái để thúc đẩy phát triển KTTH; hoàn thiện hệ thống tiêu chí về KTTH; xúc tiến các dự án đầu tư nước ngoài đáp ứng các tiêu chí KTTH; hoàn thiện hệ thống thông tin, số liệu thống kê để phục vụ thẩm định, theo dõi đánh giá tác động của KTTH; huy động nguồn lực phát triển KTTH, tiếp cận tài chính xanh, tài chính số phục vụ các dự án KTTH; hỗ trợ các địa phương trong việc tích hợp các nội dung phát triển KTTH trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội địa phương; nghiên cứu, chia sẻ kinh nghiệm thực tiễn về phát triển KTTH ở quốc tế và trong nước;

– **Bộ Tài nguyên và Môi trường:** chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương liên quan trong việc xây dựng, ban hành khung hướng dẫn thực hiện KTTH; sửa đổi, bổ sung các quy định, cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp, tổ chức thực hiện sản xuất, kinh doanh theo hướng KTTH; thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ về tăng trưởng xanh được giao tại Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ;

– **Bộ Tài chính:** nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách, biện pháp khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện KTTH; đảm bảo kinh phí thực hiện Đề án từ vốn ngân sách nhà nước, tài trợ quốc tế và nguồn vốn huy động hợp pháp khác;

– **Bộ Công thương:** xây dựng các mô hình KTTH thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả; xây dựng chính sách thúc đẩy chuyển dịch năng lượng theo hướng xanh, bền vững, đảm bảo phát triển hài hòa năng lượng mới, năng lượng tái tạo; triển khai các giải pháp kỹ thuật và kinh nghiệm quản lý môi trường tốt nhất cho các ngành công nghiệp; phối hợp với các đối tác nhằm tạo thuận lợi thương mại, công nhận lẫn nhau cho các sản phẩm hàng hóa và dịch vụ từ mô hình KTTH; xây dựng chính sách về cụm công nghiệp sinh thái bền vững; áp dụng mô hình KTTH trong xây dựng, vận hành, quản lý các cụm công nghiệp;

Bảng 1. Văn bản của Đảng và Nhà nước liên quan đến phát triển KTTH

Cơ quan ban hành	Loại văn bản	Số và ngày ban hành	Nội dung
Bộ Chính trị	Nghị quyết	55-NQ/TW, ngày 11/02/2020	Định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045
Đảng Cộng sản Việt Nam	Nghị quyết	Ngày 01/02/2021	Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII
Chính phủ	Nghị quyết	50/NQ-CP, ngày 20/5/2021	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ XIII của Đảng
Quốc hội	Luật	72/2020/QH14, ngày 17/11/2020	Luật Bảo vệ môi trường
Chính phủ	Nghị định	08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022	Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	687/QĐ-TTg, ngày 07/06/2022	Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam
Chính phủ	Nghị quyết	38/NQ-CP, ngày 25/4/2017	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 05/11/2016 của Ban Chấp hành trung ương về “Thực hiện có hiệu quả tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, giữ vững ổn định chính trị - xã hội, trong bối cảnh nước ta tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới”
Chính phủ	Nghị quyết	50/NQ-CP, ngày 17/04/2020	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/09/2019 của Bộ chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư
Chính phủ	Nghị quyết	58/NQ-CP, ngày 27/4/2020	Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 50-NQ/TW ngày 20/8/2019 của Bộ Chính trị về định hướng hoàn thiện thể chế, chính sách, nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác đầu tư nước ngoài đến năm 2030
Chính phủ	Nghị định	06/2022/NĐ-CP, ngày 07/01/2022	Quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozone
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	889/QĐ-TTg, ngày 24/06/2020	Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững giai đoạn 2021-2030
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	1055/QĐ-TTg, ngày 20/07/2020	Kế hoạch quốc gia thích ứng với biến đổi khí hậu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	2289/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020	Chiến lược quốc gia về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	343/QĐ-TTg, ngày 12/3/2021	Kế hoạch triển khai thi hành Luật Bảo vệ môi trường
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	1316/QĐ-TTg, ngày 22/7/2021	Đề án tăng cường công tác quản lý chất thải nhựa ở Việt Nam
Thủ tướng Chính phủ	Quyết định	1658/QĐ-TTg, ngày 01/10/2021	Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050

(Nguồn: Tác giả tổng hợp)

– **Bộ Quốc phòng:** chủ động nghiên cứu, lồng ghép, phát triển mô hình KTTH trong các hoạt động lao động sản xuất, xây dựng kinh tế của quân đội, nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng; chỉ đạo các doanh nghiệp quân đội, đơn vị quân đội nghiên cứu, áp dụng các giải pháp phát triển KTTH trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ tăng gia sản xuất, xây dựng đơn vị xanh, sạch, đẹp; sản xuất và tiêu

dùng bền vững; sử dụng năng lượng tái tạo trong các hoạt động đảm bảo của quân đội;

– **Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** tạo hành lang pháp lý cho việc hình thành, phát triển các mô hình KTTH trong nông nghiệp, phát triển nông thôn; nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng lực tái chế, tái sử dụng phụ, phế phẩm nông nghiệp; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ lao động nghiên cứu,

triển khai công nghệ xử lý phụ, phế phẩm trong nông nghiệp, đầu tư nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong xử lý phế phẩm nông nghiệp; xây dựng và thực hiện các chương trình, dự án áp dụng KTTH trong phát triển các chuỗi giá trị nông sản chủ lực nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo giá trị gia tăng và sử dụng hiệu quả tài nguyên đất, nước, vật tư đầu vào nhằm giảm suy thoái tài nguyên, ô nhiễm môi trường; thúc đẩy sự tham gia của các khu vực tư nhân, các tổ chức, từng hộ nông dân vào chuỗi giá trị nông sản tuần hoàn; tiếp tục xây dựng và triển khai Chương trình nông nghiệp xanh, phát triển bền vững, KTTH trong ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; nghiên cứu đề xuất triển khai chương trình mỗi xã nông thôn mới một mô hình KTTH;

– **Bộ Khoa học và Công nghệ:** thúc đẩy hài hòa các tiêu chuẩn đối với các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ từ mô hình KTTH; nghiên cứu đánh giá nhu cầu về quy trình xác nhận áp dụng công nghệ môi trường hỗ trợ kỹ thuật chuyên đổi sang KTTH; thúc đẩy ứng dụng quy trình và xây dựng các cơ chế khuyến khích thử nghiệm đối với các doanh nghiệp áp dụng công nghệ cho quá trình chuyển đổi sang KTTH; nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ thân thiện với môi trường vào các ngành nông nghiệp, công nghiệp, dịch vụ liên quan; thúc đẩy ứng dụng khoa học công nghệ vào thực hiện phát triển KTTH; nghiên cứu, lồng ghép các tiêu chí về KTTH gắn với ứng dụng khoa học và công nghệ trong từng ngành, nghề cụ thể trong các quy hoạch Đề án, dự án liên quan tới phát triển KTTH, kinh tế xanh, phát triển bền vững;

– **Ngân hàng Nhà nước Việt Nam:** xây dựng các cơ chế tài chính, tín dụng nhằm hỗ trợ cho các dự án KTTH ở Việt Nam, bảo đảm phù hợp với các mục tiêu tăng trưởng xanh; ngân hàng xanh; các dự án đầu tư xanh;

– **Bộ Tư pháp:** kiểm tra, giám sát việc xây dựng khung khổ pháp lý, các quy chế, quy định về thực hiện và phát triển KTTH theo đúng pháp luật hiện hành và các cam kết quốc tế;

– **Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội:** chủ động nghiên cứu nhu cầu về lao động, kỹ năng trong các ngành KTTH, xây dựng các chương trình giáo dục nghề nghiệp và tổ chức đào tạo, phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển KTTH trong thời gian tới;

– **Bộ Xây dựng:** đẩy mạnh việc triển khai thực hiện Kế hoạch phát triển đô thị tăng trưởng xanh, Đề án đô thị ứng phó với biến đổi khí hậu và Đề án phát triển đô thị thông minh; nghiên cứu, lồng ghép các

giải pháp phát triển KTTH vào các chương trình, cơ chế, chính sách về xử lý rác thải, nước thải đô thị;

– **Bộ Giao thông vận tải:** phát triển kết cấu hạ tầng giao thông xanh; khuyến khích các loại phương tiện sử dụng năng lượng sạch, tiết kiệm, hiệu quả và công nghệ thân thiện với môi trường; ưu tiên các nguồn lực để đầu tư, hoàn thiện và khai thác kết cấu hạ tầng giao thông xanh đảm bảo hiệu quả về kinh tế và bảo vệ môi trường, góp phần giảm phát thải khí nhà kính, tăng cường khả năng chống chịu với biến đổi khí hậu và nước biển dâng;

– **Các bộ, cơ quan ngang bộ:** chủ động nghiên cứu, lồng ghép các giải pháp phát triển KTTH vào các chương trình, cơ chế, chính sách thuộc phạm vi lĩnh vực được giao phụ trách;

– **Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:** chủ động xây dựng, thực hiện lộ trình và các nhiệm vụ, giải pháp để tạo thuận lợi cho các mô hình, dự án KTTH trên địa bàn; giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư, xây dựng, các chương trình sản xuất, tiêu dùng bền vững trên địa bàn;

– **Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam:** đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục cộng đồng doanh nghiệp phát huy trách nhiệm xã hội đối với môi trường nói chung và chủ động tiếp cận mô hình KTTH, thực hiện trách nhiệm xã hội của mình; chủ động trao đổi, đối thoại với cộng đồng doanh nghiệp nhằm nắm bắt nhu cầu, vướng mắc của doanh nghiệp liên quan đến thực hiện mô hình KTTH, từ đó kiến nghị cấp có thẩm quyền xem xét, tháo gỡ, hỗ trợ ở mức độ phù hợp.

Qua đó cho thấy Đảng và Nhà nước có những chỉ đạo mạnh mẽ, ban hành nhiều văn bản, chính sách tạo khung pháp lý ngày càng hoàn chỉnh cho KTTH phát triển tại Việt Nam. Vai trò, trách nhiệm của các cơ quan ban ngành trong việc phát triển KTTH cũng được nêu rõ. Việc vận dụng, triển khai các chủ trương, chính sách này trong điều kiện thực tế của từng vùng, từng địa phương là rất quan trọng, nhất là Đề án Phát triển KTTH ở Việt Nam vừa mới được Thủ tướng ban hành vào ngày 07/06/2022 tại Quyết định số 687/QĐ-TTg.

3.3. Tiềm năng ứng dụng KTTH trong nông nghiệp ở ĐBSCL

Phát triển bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu ở ĐBSCL được Đảng và Chính phủ rất quan tâm, thể hiện qua việc ban hành Nghị quyết số 120/NQ-CP về Phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu của Chính phủ ngày 17/11/2017; Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/4/2022 về Phương hướng phát

triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 78/NQ-CP của Chính phủ ngày 18/6/2022 về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 02/04/2022. Trong lĩnh vực nông nghiệp, Thủ tướng Chính phủ cũng đã ban

hành Quyết định số 324/QĐ-TTg, ngày 02/3/2020 phê duyệt Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Một số mục tiêu cụ thể của Chương trình này được tổng hợp ở Bảng 2.

Bảng 2. Một số mục tiêu cụ thể của Chương trình phát triển nông nghiệp vùng ĐBSCL

Mục tiêu	Chỉ tiêu	Đến 2030	Đến 2045
Về kinh tế	Tốc độ tăng GDP nông nghiệp	trên 3%/năm	trên 3%/năm
	Tốc độ tăng thu nhập từ chế biến nông lâm thủy sản	trên 5%/năm	trên 7%/năm
Về xã hội	Tỷ lệ lao động nông nghiệp so với tổng số lao động	dưới 30%	dưới 20%
	Tỷ lệ nông dân được đào tạo nghề nông nghiệp	trên 30%	trên 50%
Về môi trường	Tỷ lệ sản lượng sản phẩm trồng trọt, thủy sản nuôi trồng được chứng nhận sản xuất bền vững	trên 20%	trên 50%
	Tỷ lệ cơ sở sản xuất chăn nuôi trên địa bàn xử lý chất thải bằng biogas hoặc các giải pháp công nghệ xử lý, sử dụng hiệu quả, sạch	50%	70%
	Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp và nuôi trồng thủy sản được tưới tiêu hiện đại, thân thiện môi trường	trên 30%	trên 50% (không sử dụng nước ngầm cho sản xuất)
	Tỷ lệ diện tích rừng sản xuất được quản lý bền vững có xác nhận	50%	80%
	Giảm cường độ phát thải khí nhà kính từ sản xuất nông nghiệp/GDP nông nghiệp của vùng so với 2010	20%	40%

(Nguồn: Tổng hợp từ Quyết định số 324/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2020)

Để đạt được mục tiêu trên, ứng dụng mô hình KTTH trong nông nghiệp (hay nông nghiệp tuần hoàn) ở ĐBSCL trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết. Bởi vì nông nghiệp tuần hoàn là nền nông nghiệp hướng đến sử dụng mức thấp nhất các nguyên liệu đầu vào từ bên ngoài, tận dụng tối đa các chu trình dinh dưỡng, duy trì độ phì nhiêu đất và giảm tác động tiêu cực đến môi trường (Helgason et al., 2021); và nông nghiệp tuần hoàn nhấn mạnh đến việc giảm chất thải trong hệ thống lương thực từ sản xuất đến tiêu dùng bao gồm: tái sử dụng thức ăn, sử dụng hiệu quả phụ phẩm, tái chế chất dinh dưỡng và thay đổi khẩu phần ăn hướng đến đa dạng và sử dụng thức ăn hiệu quả hơn (Posthumus, 2019). Theo Grumbine et al. (2021), để áp dụng thành công nông nghiệp tuần hoàn thì cần quan tâm đến: (i) tư duy hệ thống để thiết kế khép kín chu trình dinh dưỡng đạm (N), lân (P), carbon, năng lượng và nước sao cho phù hợp với điều kiện sinh thái và bối cảnh xã hội; (ii) quan tâm đến tất cả sinh vật trong hệ thống kể cả vi sinh vật (nấm, vi khuẩn), thực vật, động vật, thậm chí côn trùng vì chúng là các tác nhân trong mạng lưới thức ăn; (iii) ứng dụng khoa học công nghệ, thiết kế thông minh, trí tuệ nhân tạo, và dữ liệu lớn; (iv) tiếp cận theo nhiều cấp độ trong

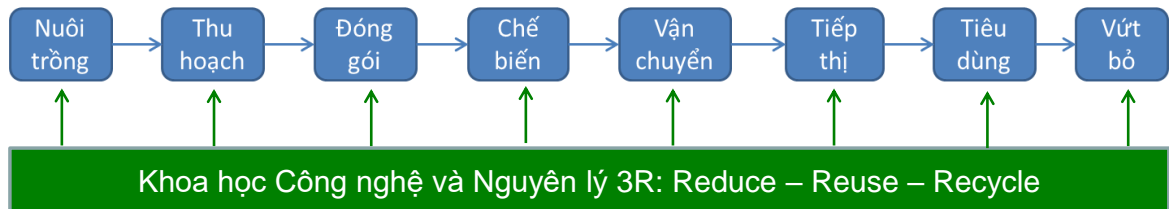
toàn bộ chuỗi cung ứng một cách hiệu quả, có thể từ cấp nông hộ đến công ty, cấp quốc gia hay quốc tế. Với lợi thế về đất, nước, khí hậu phù hợp cho sản xuất nông nghiệp, ĐBSCL đóng góp lượng lớn các nông sản cho cả nước. Theo số liệu thống kê năm 2022, ĐBSCL có diện tích tự nhiên khoảng 4 triệu ha, chỉ chiếm 12% diện tích cả nước nhưng hàng năm vùng này đóng góp 55% sản lượng lúa gạo, 32% sản lượng khoai lang, 70% sản lượng thủy sản nuôi trồng của Việt Nam. Ngoài ra, còn có chăn nuôi với đàn trâu 22 ngàn con, đàn bò 976 ngàn con, đàn heo 2,1 triệu con và đàn gia cầm 86 triệu con (Tổng cục Thống kê, 2022). Với quy mô sản xuất như vậy, lượng phụ phẩm thải ra hàng năm rất lớn nhưng chưa được tái sử dụng, tái chế một cách triệt để. Hiện tượng đốt đồng sau mỗi vụ mùa, chất thải từ chăn nuôi, thủy sản trực tiếp ra kênh rạch vẫn còn phổ biến gây ô nhiễm đất, nước, không khí (Bình & Tiên, 2021). Do đó, việc ứng dụng các nguyên lý của KTTH trong nông nghiệp là hướng đi phù hợp và cần thiết trong tương lai.

Trong lĩnh vực nông nghiệp, cách tiếp cận “từ trang trại đến bàn ăn” (farm to fork approach) được xem như là một hướng đi phù hợp (Grumbine et al., 2021). Hình 2 cho thấy việc ứng dụng khoa học công

nghe và nguyên lý 3R trong KTTH (giảm đầu vào, tái sử dụng và tái chế) cần được thực hiện từ khâu nuôi trồng đến thu hoạch, đóng gói, chế biến, vận chuyển, tiếp thị, tiêu dùng và vứt bỏ. Ví dụ trong chuỗi lúa gạo ở ĐBSCL, khoa học kỹ thuật không chỉ tác động ở khâu sản xuất trên đồng ruộng như công nghệ giống, phân bón, bảo vệ thực vật, tưới tiêu, kỹ thuật canh tác mà còn phải quan tâm đến

công nghệ sau thu hoạch (giảm thất thoát khi thu hoạch, xử lý rơm rạ trên đồng ruộng, kho bãi, đóng gói, chế biến, vận chuyển). Ngoài ra, với cách tiếp cận này, việc quan tâm, nâng cao nhận thức người tiêu dùng thông qua các hình thức tiếp thị, tìm hiểu thị trường để hướng người tiêu dùng có trách nhiệm hơn trong việc sử dụng sản phẩm và xử lý rác thải sau tiêu dùng.

Tiếp cận từ trang trại đến bàn ăn (farm to fork approach)



Hình 2. Đề xuất ứng dụng KTTH trong nông nghiệp theo cách tiếp cận từ trang trại đến bàn ăn

(Nguồn: Bình, 2022)

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù thuật ngữ KTTH mới được sử dụng trong các văn bản quy phạm pháp luật nhưng nội hàm của KTTH đã được đề cập trong nhiều nghị định, quyết định của Đảng và Nhà nước. Riêng ĐBSCL, vấn đề phát triển bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu được quan tâm rất nhiều trong thời gian gần đây. Một trong những giải pháp hỗ trợ chiến lược phát triển bền vững ĐBSCL trong tương lai là ứng dụng các nguyên lý KTTH trong sản xuất, đặc biệt là trong lĩnh vực nông nghiệp. Để thực hiện thành công mô hình nông nghiệp tuần hoàn Nhà nước cần quan tâm đến: (i) hoàn thiện khung pháp lý hỗ trợ phát triển nông nghiệp tuần hoàn bao gồm tài chính, nguồn nhân

lực, công nghệ và xây dựng các tiêu chí đo lường, đánh giá hiệu quả mô hình nông nghiệp tuần hoàn; (ii) đầu tư xây dựng các mô hình thí điểm nghiên cứu bài bản về nông nghiệp tuần hoàn để đánh giá tính hiệu quả về kinh tế, xã hội và môi trường; (iii) theo dõi, đánh giá thường xuyên để có kế hoạch lồng ghép các nguyên lý KTTH trong kế hoạch phát triển kinh tế xã hội địa phương; (iv) nâng cao nhận thức, kiến thức về tầm quan trọng của KTTH cho toàn cộng đồng, kể cả nhà khoa học, nhà nước, doanh nghiệp, người sản xuất và người tiêu dùng. Ứng dụng nguyên lý 3R trong KTTH cho nông nghiệp theo cách tiếp cận từ trang trại đến bàn ăn là hướng đi phù hợp để giảm thiểu ô nhiễm, hướng đến giảm khí thải và phát triển bền vững ĐBSCL trong bối cảnh biến đổi khí hậu hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Barbier, E. B. (1989). *Economics, natural resources scarcity and development conventional and alternative views*. London: Earthscan Publication.

Barbier, E. B. (2007). Frontiers and sustainable economic development. *Environmental and Resource Economics*, 37(1), 271-295.

Bình, N. T. (2021). *Đánh giá hiện trạng thực hiện luận văn tốt nghiệp các ngành khoa học xã hội và nhân văn tại Trường Đại học Cần Thơ*. Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp cơ sở, Trường Đại học Cần Thơ (T2020-103).

Bình, N. T., Dũng, L. C., & Tuấn, V. V. (2021). Nông nghiệp tuần hoàn: Khái niệm và tiềm

năng ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu. *Kỷ yếu Hội thảo “Phát huy tiềm năng, lợi thế nhằm phát triển bền vững ĐBSCL trong thời kỳ mới”* (trang. 76-86).

Bình, N. T., & Tiên, L. V. T. (2021). Quản trị tài nguyên nước ở đồng bằng sông Cửu Long: Hiện trạng và thách thức trong bối cảnh biến đổi khí hậu và phát triển thượng nguồn. *Tạp chí Môi trường, Chuyên đề IV*, 18-21.

Bình N. T., Tiên, L. V. T., Minh N. A., Minh N. N., & Trung N. H. (2021). Drivers of agricultural transformation in the coastal areas of the Vietnamese Mekong delta. *Environmental Science and Policy*, 122, 49-58.

- Binh N. T., Tien, L. V. T., Tang, L. T., Tu, N. M., Dung, T. D., & Quan N. H. (2022). Resilience of various innovative water management practices: the case of rice production in the Vietnamese Mekong Delta floodplains. *Agricultural Water Management*, 270, 107739.
- Bình, N. T. (2022). *Kinh tế tuần hoàn trong và ngoài nước, giải pháp đẩy mạnh hiệu quả áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn*. Diễn đàn “Phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn bền vững gắn với xây dựng nông thôn mới” tại Hậu Giang ngày 22/4/2022.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường. (2018). *Báo cáo hiện trạng môi trường quốc gia 2018 – Chuyên đề Môi trường nước các lưu vực sông*. Hà Nội, Việt Nam.
- Bộ Tài Nguyên và Môi trường. (2021). *Kịch bản biến đổi khí hậu*. Nhà xuất bản Tài nguyên – Môi trường và Bản đồ Việt Nam, Hà Nội, Việt Nam.
- Creswell, J. W. (2013). *Qualitative inquiry and research design – Choosing among five approaches*. SAGE Publications.
- Chính phủ. (2017). *Nghị quyết về Phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu* (Số 120/NQ-CP).
- Ellen MacArthur Foundation. (2012). *Towards the circular economy: Economic and business rationale for an accelerated transition*. http://circularfoundation.org/sites/default/files/tce_report1_2012.pdf
- Grumbine, R. E., Xu, J., & Ma, L. (2021). An overview of the problems and prospects for circular agriculture in sustainable food systems in the Anthropocene. *Circular Agricultural Systems*, 1, 3.
- Helgason, K. S., Iversen, K., & Julca, A. (2021). *Circular agriculture for sustainable rural development*. United Nations, Department of Economics and Social Affairs, Policy Brief No 105.
- Hội bảo vệ thiên nhiên và môi trường Việt Nam, 2018. *Kinh tế xanh cho phát triển bền vững trong bối cảnh biến đổi khí hậu*. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- Hương, T. T. (2019). Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu. *Tạp chí lý luận số 6*.
- Lâm, T. T. (2013). *Kinh tế xanh hướng tới phát triển bền vững và xóa đói, giảm nghèo*. <http://tapchitaichinh.vn/nguyen-cuu--trao-doi/trao-doi-binh-luan/kinh-te-xanh-huong-toi-phat-trien-ben-vung-va-xoa-doi-giam-ngheo-57022.html>
- Le, D. N., Nguyen, H. A. P., Ngoc, D. T., Do, T. H. T., Ton, N. T., Le, T. V., Ho, T. H., Dang, C. V., Thai, P. K., & Dung, P. (2022). Air pollution and risk of respiratory and cardiovascular hospitalizations in a large city of the Mekong Delta Region. *Environmental Science and Pollution Research*. <https://doi.org/10.1007/s11356-022-22022-y>
- Nam, N. H., Chinh, N. T., & Ý, T. V. (2020). Mối quan hệ giữa Tăng trưởng xanh, Kinh tế xanh, Kinh tế tuần hoàn và Phát triển bền vững. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế*, 502(3).
- Phuong, P. T. H., Nghiem, T. D., Thao, P. T. M., Pham, C. T., Thi, T. T., & Dien, N. T. (2021). Impact of rice straw open burning on local air quality in the Mekong Delta of Vietnam. *Atmospheric Pollution Research*, 12, 101225.
- Posthumus, B., (Ed.). (2019). *Circular agriculture in low and middle income countries*. Food and Business Knowledge Platform, The Hague, The Netherlands.
- Rossum, T. V. (2020). *Circular economy in the Indonesian agricultural sector – case studies from the field for a circular vision*. Agrodite, Jakarta, Indonesia.
- Sánh, N. V. & Nhân, Đ. K. (2016). *Phát triển bền vững nông nghiệp nông thôn đồng bằng sông Cửu Long*. Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ.
- Tổng cục Thống kê. (2022). *Niên giám thống kê 2021*. Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, Việt Nam. Đại học Cần Thơ.
- UNEP (United Nations Environmental Program). (2010). *Overview of the Republic of Korea’s National Strategy for green growth*.
- World Bank. (2019). *Vietnam: Toward a safe, clean, and resilient water system*. World Bank, Washington D.C.
- Xiang, H., & Jun, H. (2011). Development of circular economy is a fundamental way to achieve agriculture sustainable development in China. *Energy Procedia*, 5, 1530-1534.
- Young, C. E. F. (2013). Green economy in Brazil: Challenges and opportunities. *Revista del CESLA*, 16, 261-277. <http://www.redalyc.org/articulo.oa?id=243329724015>